
I. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tính cấp thiết phải tiến hành sáng kiến

Mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp; trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Giáo dục tiểu học là bậc học hiện nay đang ngày càng khẳng định vị trí vô cùng to lớn của mình trong giáo dục và đào tạo con người Việt Nam. Đây là bậc học nền tảng có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục phổ thông. Nó là bậc học “Hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản để học sinh tiếp tục học trung học cơ sở.” Môn học có đóng góp không nhỏ giúp chúng ta đạt được mục tiêu giáo dục đó là môn Toán. Toán học giúp cho học sinh có tri thức, có phương pháp học tập để phát triển năng lực nhận thức của mình về mọi mặt. Học sinh có thể vận dụng tốt những kiến thức đã học ở trường để áp dụng vào cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống.

Đề hiểu sâu và có lòng ham mê với bộ môn toán thực sự là điều khó. Ngày nay có rất nhiều học sinh ngại học toán, học toán một cách thụ động bởi lẽ các em cho rằng: Toán học là môn học “Cứng nhắc, khô khan” và “khó”. Nhưng nếu đi sâu vào tìm tòi nghiên cứu, đặc biệt là với các em ham học hỏi thì môn toán sẽ có nhiều lý thú và có sức lôi cuốn mạnh mẽ. Học toán đòi hỏi các em phải chịu khó tư duy, trong khi làm bài đòi hỏi phải chính xác, lập luận chặt chẽ, trình bày ngắn gọn rõ ràng, có cách nhìn tổng quan, lựa chọn phương pháp giải thích hợp.

Một trong những nhiệm vụ cơ bản của việc dạy học môn Toán lớp 4 hiện nay là: Trang bị cho các em đầy đủ những kiến thức, kỹ năng của môn học nhằm mục đích chuẩn bị cho việc học toán lớp 5 sau này.

Nhiệm vụ không kém phần quan trọng nữa là phát hiện và bồi dưỡng kịp thời những học sinh có năng khiếu học Toán nhằm thúc đẩy phong trào thi đua dạy tốt, học tốt, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Đối với ngành giáo dục và nhà trường, đây là hoạt động mũi nhọn; là hoạt động giáo dục chất lượng cao. Đồng thời bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh yêu thích học Toán cũng là hoạt động đầy hứng thú, có tác dụng kích lệ sự phát triển tài năng, tâm hồn, nhân cách,... cho học sinh và cũng có tác dụng tích cực trở lại đối với giáo viên. Giáo viên phải luôn học hỏi, nghiên cứu tài liệu, tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ, kỹ năng sư phạm và tinh thần tận tâm với công việc.

Là một người giáo viên kể tục sự nghiệp trồng người. Bản thân tôi luôn không ngừng phấn đấu để nâng cao trình độ chuyên môn, mang vốn hiểu biết của

mình góp phần truyền thụ, hướng dẫn các em học tập, nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo. Từ những những lý do trên tôi chọn cho mình đề tài “**Một số giải pháp bồi dưỡng, khích lệ học sinh yêu thích học toán nâng cao lớp 4**” để nghiên cứu.

2. Mục tiêu của sáng kiến

- Tìm hiểu cơ sở lý luận của việc bồi dưỡng học sinh yêu thích học toán nâng cao lớp 4.

- Tìm hiểu thực trạng ban đầu của việc bồi dưỡng học sinh yêu thích học toán nâng cao lớp 4.

- Tìm ra các giải pháp bồi dưỡng học sinh yêu thích học toán nâng cao lớp 4.

- Tiến hành thực nghiệm việc bồi dưỡng học sinh yêu thích học toán nâng cao lớp 4 nhằm:

- + Rèn kỹ năng tính toán nhanh, chính xác, phát triển năng lực tư duy đặc biệt là tư duy toán học cho học sinh.

- + Trang bị cho học sinh đầy đủ kiến thức toán của lớp 4, các dạng toán làm tiền đề, nền tảng vững chắc để các em học tiếp toán lớp 5 và các môn học khoa học tự nhiên ở các bậc học tiếp theo.

- + Tìm ra một số dạng toán hay, các dạng toán điển hình có tính mở rộng và nâng cao để trang bị cho học sinh khối lớp 4.

- + Phát hiện học sinh có năng khiếu Toán, yêu thích học Toán để bồi dưỡng.

- + Làm tài liệu tham khảo cho bạn bè đồng nghiệp, phụ huynh học sinh khi tham gia dạy học môn toán, bồi dưỡng cho học sinh có năng khiếu toán, yêu thích học toán khối lớp 4.

- Giúp giáo viên khối 4 có những giải pháp phù hợp, tích cực để áp dụng vào việc giảng dạy môn Toán lớp 4.

- Trên cơ sở kết quả đạt được và tồn tại, rút ra bài học kinh nghiệm, những kiến nghị, đề xuất.

3. Thời gian, đối tượng nghiên cứu

- Nội dung, chương trình toán 4; Học sinh khối 4.

- Thời gian nghiên cứu: Năm học 2023 - 2024

- Đối tượng khảo sát thực nghiệm: Học sinh khối 4.

4. Các phương pháp nghiên cứu

- **Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận:** phương pháp phân tích – tổng hợp nhằm tìm hiểu, nghiên cứu những tài liệu có liên quan.

- **Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn:**

- + Phương pháp quan sát

- + Phương pháp điều tra

+ Phương pháp tổng kết kinh nghiệm nhằm nghiên cứu **Một số giải pháp bồi dưỡng, khích lệ học sinh yêu thích học toán nâng cao lớp 4** trước đây và hiện nay.

- **Nhóm phương pháp thực nghiệm sư phạm:**

+ Phương pháp thực nghiệm sư phạm nhằm kiểm tra giả thuyết đã nêu bằng thực tế dạy học.

+ Phương pháp thống kê toán học nhằm phân tích, so sánh, đối chiếu số lượng nhằm rút ra những kết luận cần thiết.

5. Phạm vi nghiên cứu:

- **Lĩnh vực khoa học:** Phương pháp dạy học toán ở Tiểu học.

- **Địa bàn nghiên cứu:** Học sinh Tiểu học.

- **Đối tượng khảo sát, thực nghiệm:** Khảo sát thực trạng và tổ chức thực nghiệm trên 05 giáo viên và 176 học sinh của trường.

- **Thời gian nghiên cứu:** Năm học 2023 - 2024

- Tháng 9: lập kế hoạch, xây dựng đề tài.

- Tháng 10 đến tháng 3: thực hiện đề tài.

- Tháng 4: Kết thúc đề tài.

II. NỘI DUNG ĐỀ TÀI

1. Thực trạng vấn đề.

1.1. Vị trí và tầm quan trọng của môn Toán.

Trong trường Tiểu học môn Toán là môn giữ vai trò vô cùng quan trọng nhằm mục đích phát triển kỹ năng tính toán, phát triển tư duy, phương pháp lý luận, phương pháp giải quyết vấn đề, góp phần phát triển trí thông minh, cách suy nghĩ độc lập, sáng tạo, khả năng vận dụng, ứng dụng trong cuộc sống. Nó là nền tảng cho việc học tiếp môn toán ở các bậc học tiếp theo. Vì thế việc tìm ra những giải pháp bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, học sinh yêu thích học Toán nâng cao lớp 4 là một việc làm hết sức cần thiết của người giáo viên tiểu học.

1.2. Thực trạng dạy học môn Toán hiện nay

1.2.1. Về phía giáo viên.

** Thuận lợi:*

- Thực trạng dạy Toán ở trường tiểu học được quan tâm, nhà trường tổ chức chuyên đề dạy Toán ở tất cả các khối lớp, việc thực hiện dạy có bài bản, trình tự, đúng đặc trưng riêng của phân môn.

- Giáo viên tôn trọng phương pháp học mới: Lấy học sinh làm trung tâm, coi trọng việc dạy Toán. Giáo viên cố gắng tìm tòi, học hỏi, nghiên cứu để nâng cao chất lượng giảng dạy môn Toán.

- Giáo viên có nhiều năm giảng dạy, đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm, có nhiều sáng tạo trong quá trình giảng dạy.

- Giáo viên có sức khỏe, có lòng yêu nghề và sự nhiệt tình trong công tác nên việc giúp học sinh học tốt môn Toán có nhiều thuận lợi.

** Khó khăn:*

- Giáo viên chưa nắm chắc toàn bộ chương trình toán lớp 4, chưa biết toán lớp 4 có những dạng bài toán nào? Đây là dạng toán khó, cần truyền đạt, bồi dưỡng cho học sinh có năng khiếu học toán?

- Giáo viên thực hiện chương trình dạy toán một cách máy móc phụ thuộc cho rằng “**Toán lớp 4 có gì khó!**” mà thiếu sự khai thác sâu kiến thức bài dạy.

- Giáo viên thường truyền thụ kiến thức cho học sinh gói gọn trong sách giáo khoa thiếu sự mở rộng, nâng cao, còn nặng về giảng giải, làm mẫu.

- Khi lên lớp giáo viên chưa chú ý đến đặc điểm, trình độ nhận thức của học sinh nên bài giảng sơ sài, chưa xác định rõ trong bài dạy học sinh còn yếu, hay sai ở đâu? Cần khai thác cho học sinh năng khiếu ở phần nào?... Bởi vậy chưa phát huy yếu tố tích cực tư duy của học sinh, chưa động viên khích lệ học sinh thường xuyên tìm hiểu, nắm bắt cái mới cái hay trong toán học, học sinh tiếp thu bài mang tính thụ động, thiếu tính sáng tạo.

- Giáo viên chưa quan tâm việc bồi dưỡng, khích lệ để học sinh yêu thích học toán. Việc học sinh đạt kết quả cao (Điểm tối đa) trong các kì thi còn hạn chế, đặc biệt là các kì thi cấp huyện.

1.2.2. Về phía học sinh

** Thuận lợi:*

- Học sinh ngoan, số lượng học sinh trong lớp không quá đông nên việc rèn kĩ năng làm toán cho các em được nhiều.
- Học sinh đã biết làm các phép tính và giải các bài toán dạng cơ bản.

** Khó khăn:*

- Học sinh ngại, sợ làm những bài toán khó, bài có kiến thức nâng cao.
- Học sinh tiếp thu bài thụ động chóng quên.
- Kỹ năng tính toán thực hiện phép tính còn hạn chế, kết quả sai nhiều, chưa biết vận dụng cách tính thuận tiện, cách tính hợp lý, cách tính nhanh để tìm kết quả nhanh, chính xác.
- Việc ghi nhớ cách thực hiện các phép tính về phân số, các bước giải các dạng toán điển hình còn yếu.
- Trình bày bài thiếu tính khoa học, lô gíc. Chưa biết cách phân tích chọn cách giải ngắn gọn tối ưu.
- Nhiều học sinh trong giờ học chưa có sự tập trung cao vào học tập, tiếp thu thiếu tính sáng tạo và tư duy tích cực.

1.2.3. Kết quả khảo sát đầu năm

Khảo sát, đánh giá kết quả môn Toán bằng điểm số của lớp 4A (lớp thực nghiệm) và lớp 4B, 4C, 4D (lớp đối chứng) cho kết quả như sau:

Loại Lớp	Tổng số Học sinh	Điểm 9- 10		Điểm 7- 8		Điểm 5- 6		Điểm dưới 5	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
4A	42	9	21,4	12	28,6	18	42,9	3	7,1
4B	43	7	16,3	9	20,9	23	53,5	4	9,3
4C	41	7	17,1	8	19,5	22	53,6	4	9,8
4D	50	8	16,0	10	20,0	27	54,0	5	10,0

Từ kết quả trên cho thấy số học sinh đạt loại tốt (Điểm 9 – 10) chiếm ít. Học sinh chưa có tư duy tích cực, chưa biết làm các bài toán có tính mở rộng, nâng cao.

2. Giải pháp thực hiện sáng kiến để giải quyết vấn đề.

2.1. Giải pháp 1: Phân bậc bài tập cho các đối tượng học sinh.

Sau khi học sinh làm bài kiểm tra tôi cho các em ôn kiến thức đã học ở các lớp trước trong ba tuần rồi tiến hành phân loại học sinh, đề ra kế hoạch dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh.

Tôi thường tổ chức cho học sinh ôn tập, mở rộng, nâng cao theo từng chuyên đề. Đối với tất cả các chuyên đề, dạng toán, việc quan trọng đầu tiên là

hướng dẫn học sinh hệ thống lại các kiến thức cơ bản cần ghi nhớ của chuyên đề hay dạng bài toán đó. Sau đó, cho học sinh vận dụng kiến thức cần ghi nhớ làm bài tập từ dễ đến khó, phù hợp với từng đối tượng học sinh. Trong quá trình vận dụng làm bài tập, tôi cho học sinh thảo luận nhóm tìm cách giải. Nếu học sinh cần hỗ trợ tôi gợi ý, hướng dẫn thêm. Khi học sinh đã hiểu tôi yêu cầu nêu rõ lại phương pháp giải để các em chủ động thực hiện bài tập. Khi đã nắm vững phương pháp giải các em sẽ biết vận dụng giải các bài tập khác cùng dạng. Một việc không kém phần quan trọng nữa đó là hướng dẫn học sinh biết tự kiểm tra, đánh giá được kết quả bài làm của mình và của bạn.

Ví dụ 1: Chuyên đề: Các bài toán về số và chữ.

a. Những kiến thức cần ghi nhớ:

a.1. Khi viết số tự nhiên ta sử dụng mười chữ số 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9. Chữ số đầu tiên kể từ trái sang phải phải khác 0.

a.2. Phân tích cấu tạo một số tự nhiên:

$$ab = 10 \times a + b$$

$$abc = a \times 100 + b \times 10 + c = ab \times 10 + c = a \times 100 + bc$$

$$abcd = a \times 1000 + b \times 100 + c \times 10 + d$$

$$= abc \times 10 + d = a \times 1000 + bcd = \dots$$

a.3. Quy tắc so sánh hai số tự nhiên:

- Trong hai số tự nhiên, số nào có nhiều chữ số hơn thì lớn hơn.
- Nếu hai số tự nhiên có số chữ số bằng nhau thì số nào có chữ số cùng hàng từ trái sang phải lớn hơn thì lớn hơn.

a.4. Số tự nhiên có tận cùng bằng 0, 2, 4, 6, 8 là số chẵn.

a.5. Số tự nhiên có tận cùng bằng 1, 3, 5, 7, 9 là số lẻ.

a.6. Hai số tự nhiên liên tiếp hơn (kém) nhau 1 đơn vị.

a.7. Hai số chẵn (hoặc lẻ) liên tiếp hơn (kém) nhau 2 đơn vị.

b. Vận dụng làm bài tập:

Bài 1: Bạn Nam nói: Số 165 gồm: 16 chục và 5 đơn vị; 1 trăm và 65 đơn vị; 15 chục và 15 đơn vị.

Như vậy có đúng không? Vì sao?

Giải: Bạn Nam nói đúng vì: $165 = 160 + 5 = 16 \times 10 + 5$

$$165 = 100 + 65 = 1 \times 100 + 65$$

$$165 = 150 + 15 = 15 \times 10 + 15.$$

Bài 2: Cho 4 chữ số 0, 1, 2, 3.

a. Có thể viết được bao nhiêu số có 4 chữ số khác nhau từ bốn chữ số đã cho?

b. Tìm số chẵn lớn nhất có ba chữ số khác nhau viết từ bốn chữ số đã cho.

Giải:

a) Vì số cần viết là số có bốn chữ số khác nhau nên lần lượt chọn các chữ số hàng nghìn, hàng trăm, hàng chục, hàng đơn vị như sau:

Có 3 cách chọn chữ số hàng nghìn thoả mãn đề bài (vì chữ số 0 không thể đứng ở hàng nghìn).

Có 3 cách chọn chữ số hàng trăm thoả mãn đề bài (là 3 chữ số còn lại khác chữ số hàng nghìn đã chọn).

Có 2 cách chọn chữ số hàng chục thoả mãn đề bài (là 2 chữ số còn lại khác chữ số hàng nghìn, hàng trăm đã chọn).

Có 1 cách chọn chữ số hàng đơn vị thoả mãn đề bài (là 1 chữ số còn lại khác chữ số hàng nghìn, hàng trăm, hàng chục đã chọn).

Vậy có thể viết được là: $3 \times 3 \times 2 \times 1 = 18$ (số).

b) Số chẵn lớn nhất có ba chữ số khác nhau viết từ bốn số đã cho phải có chữ số hàng trăm là số lớn nhất trong các số đã cho. Vậy chữ số hàng trăm là 3.

Tương tự ta tìm được chữ số hàng chục là 2. Là số chẵn nên chữ số hàng đơn vị phải là 0. Vậy số cần tìm là 320.

Bài 3: (Dành cho học sinh lớp đầu) Tìm một số có hai chữ số, biết rằng số đó gấp 9 lần tổng các chữ số của nó.

Giải: Gọi số cần tìm là ab . Theo bài ra ta có:

$$ab = 9 \times (a + b)$$

$$10 \times a + b = 9 \times a + 9 \times b$$

$$10 \times a - 9 \times a = 9 \times b - b$$

$$(10 - 9) \times a = (9 - 1) \times b$$

$$a = 8 \times b. \text{ Suy ra } a = 8; b = 1. \text{ Vậy số cần tìm là } 81.$$

Ví dụ 2: Chuyên đề: Các bài toán về dãy số.

a. Ghi nhớ: Để giải được bài toán, trước hết cần xác định quy luật của dãy số.

b. Bài tập vận dụng:

Bài 1: Tìm hai số hạng đầu tiên của dãy số sau: ..., ..., ..., ..., 39, 42, 45. Biết rằng dãy số có 15 số hạng.

Giải: Xác định quy luật của dãy số. Ta nhận xét:

$$\text{Số hạng thứ 15 của dãy là: } 45 = 15 \times 3.$$

$$\text{Số hạng thứ 14 của dãy là: } 42 = 14 \times 3.$$

$$\text{Số hạng thứ 13 của dãy là: } 39 = 13 \times 3.$$

Vậy quy luật của dãy số là: Mỗi số hạng bằng số thứ tự của nó nhân với 3.

$$\text{- Số hạng đầu tiên của dãy là: } 1 \times 3 = 3$$

$$\text{- Số hạng thứ hai của dãy là: } 2 \times 3 = 6. \text{ Vậy hai số hạng cần tìm là } 3 \text{ và } 6.$$

Bài 2: Viết tiếp hai số hạng vào dãy số sau: 2, 4, 12, 48, ...,

Giải: Xác định quy luật của dãy số. Ta nhận xét:

$$\text{- Số hạng thứ hai của dãy là: } 4 = 2 \times 2$$

$$\text{- Số hạng thứ ba của dãy là: } 12 = 4 \times 3$$

$$\text{- Số hạng thứ tư của dãy là: } 48 = 12 \times 4$$

Vậy quy luật của dãy số là: Mỗi số hạng kể từ số hạng thứ hai bằng tích của số hạng đứng liền trước nó nhân với thứ tự của số hạng đó.

Số hạng thứ năm của dãy là: $48 \times 5 = 240$.

Số hạng thứ sáu của dãy là: $240 \times 6 = 1440$. Vậy hai số cần tìm là 240 và 1440.

Bài 3 : Cho dãy số chẵn liên tiếp : 2, 4, 6, 8, ..., ..., 100.

a) Dãy số trên có bao nhiêu số hạng ?

b) (*Dành cho học sinh lớp đầu*) Nếu ta tiếp tục kéo dài các số hạng của dãy thì số hạng thứ 2010 là số nào ?

Giải: Xác định quy luật của dãy số. Ta nhận xét:

Số hạng thứ hai của dãy là: $4 = 2 + 2$; Số hạng thứ ba của dãy là: $6 = 4 + 2$;

Số hạng thứ tư của dãy là: $8 = 6 + 2$.

Vậy quy luật của dãy số trên là: Mỗi số hạng, kể cả số hạng thứ hai, bằng số hạng liền trước nó cộng với 2.

Số số hạng của dãy đó là: $(100 - 2) : 2 + 1 = 50$ (số hạng)

b) Ta nhận xét:

Số hạng thứ hai là $4 = 2 + 2 \times (2 - 1)$

Số hạng thứ ba là $6 = 2 + 2 \times (3 - 1)$

Số hạng thứ tư là $8 = 2 + 2 \times (4 - 1)$

Vậy số hạng thứ 2010 của dãy là: $2 + 2 \times (2010 - 1) = 4020$

Sau một thời gian thực hiện giải pháp trên, tôi thấy tất cả học sinh lớp đầu, lớp sau đều phát huy được tối đa khả năng nhận thức của mình. Các em tiến bộ rõ rệt, tự tin khi cô gọi trả bài, yêu thích và chăm học Toán hơn.

2.2. Giải pháp 2: Hướng dẫn học sinh tăng cường vận dụng kiến thức cơ bản đã học để giải nhiều dạng Toán.

Đối với những chuyên đề có thể vận dụng các kiến thức cơ bản trong sách giáo khoa để giải nhiều dạng bài. Sau khi hệ thống lại cho học sinh những kiến thức cần ghi nhớ trong sách giáo khoa, tôi cho học sinh vận dụng các kiến thức cần ghi nhớ đó để giải nhiều dạng bài tập trong nhiều tình huống khác nhau trên cơ sở suy luận logic. Từ đó, giúp các em nắm vững hơn cách giải các dạng bài và vận dụng linh hoạt trong giải toán. Hơn nữa, tôi luôn ưu tiên thời gian để học sinh làm các bài tập có nội dung gắn liền với thực tế cuộc sống hằng ngày, những bài toán vui để các em có cảm giác thoải mái, hứng thú hơn trong học tập. Nhờ thế mà các em hiểu bài, nắm kiến thức sâu hơn rất nhiều.

Ví dụ: Chuyên đề : Các bài toán vui, toán cổ.

Bài 1: (Trò chơi – Toán vui) Khi được hỏi: “Số nào có bốn chữ số mà khi ta đọc ngược theo thứ tự từ phải sang trái thì sẽ được số gấp lên 6 lần so với số cũ?”. Một học sinh giỏi toán đã có *câu trả lời đúng* ngay tức khắc. Bạn hãy đoán xem bạn ấy đã trả lời như thế nào?

Giải: Bạn ấy đã trả lời là: **“Không có số nào như vậy.”** Ta có thể giải thích điều này như sau:

Giả sử số phải tìm là $abcd$, theo bài ra ta có: $abcd \times 6 = dcba$.

Suy ra a chỉ có thể bằng 1 vì nếu a bằng 2 trở lên thì $abcd \times 6$ sẽ cho một số có 5 chữ số. Mặt khác, tích $abcd \times 6$ là một số chẵn, tức là a phải chẵn. Mâu thuẫn này chứng tỏ không tồn tại số nào thỏa mãn điều kiện bài toán.

Bài 2:

“Thuyền to chở được sáu người,
Thuyền nhỏ chở được bốn người là đông.
Một đoàn trai gái sang sông,
Mười thuyền to nhỏ giữa dòng đang trôi.
Toàn đoàn có một trăm người,
Bốn mươi tám người đang đợi chưa sang.”

Hỏi có bao nhiêu thuyền to, bao nhiêu thuyền nhỏ đang chở người sang sông?

Giải:

Số người đang được chở sang sông là: $100 - 48 = 52$ (người)

Giả sử, tất cả thuyền đang được chở người sang sông đều là thuyền nhỏ.

Như vậy, số người được chở sang sông là: $4 \times 10 = 40$ (người)

Số người hụt đi so với thực tế thuyền đang chở là: $52 - 40 = 12$ (người)

Số người trên mỗi thuyền to bị hụt đi là: $6 - 4 = 2$ (người)

Số thuyền to là: $12 : 2 = 6$ (thuyền)

Số thuyền nhỏ là: $10 - 6 = 4$ (thuyền).

Đáp số: 6 thuyền to; 4 thuyền nhỏ.

Như vậy, chỉ cần hiểu sâu, nắm vững những kiến thức cơ bản trong sách giáo khoa, vận dụng triệt để những kiến thức cơ bản đó thì những bài toán nâng cao không còn là khó đối với các em.

2.3. Giải pháp 3: Hướng dẫn học sinh chọn cách giải phù hợp nhất trong nhiều cách giải.

Để vận dụng làm bài linh hoạt, không máy móc. Tùy nội dung từng phần của bài tập tôi hướng dẫn học sinh vận dụng các cách giải khác nhau để được kết quả đúng và nhanh nhất.

Phương pháp này thường vận dụng với các dạng bài sau:

Dạng 1: So sánh phân số.

a. Kiến thức cần ghi nhớ.

- So sánh phân số:

+ Cùng mẫu số: Ta so sánh hai tử số, phân số nào có tử số lớn hơn sẽ lớn hơn.

+ Khác mẫu số: Ta quy đồng mẫu số rồi so sánh như trường hợp trên.

+ Hai phân số có cùng tử số thì phân số nào có mẫu số lớn hơn sẽ nhỏ hơn.

+ Nếu hai phân số không cùng tử số: Ta quy đồng tử số rồi so sánh như trường hợp trên.

*** Mở rộng:**

- So sánh bắc cầu: Nếu $\frac{a}{b} < \frac{c}{d}$ và $\frac{c}{d} < \frac{m}{n}$ thì $\frac{a}{b} < \frac{m}{n}$
- So sánh phần bù với 1 của mỗi phân số: Nếu $1 - \frac{a}{b} < 1 - \frac{c}{d}$ thì $\frac{a}{b} > \frac{c}{d}$
- So sánh hai phần hơn 1 của mỗi phân số: Nếu $\frac{a}{b} - 1 < \frac{c}{d} - 1$ thì $\frac{a}{b} < \frac{c}{d}$
- So sánh với $\frac{1}{2}$: Bất kì phân số nào có tử số bằng nửa mẫu số đều bằng $\frac{1}{2}$.

b. Bài tập: Không quy đồng mẫu số, hãy so sánh các phân số sau:

a. $\frac{12}{29}$ và $\frac{14}{27}$

b. $\frac{2009}{2010}$ và $\frac{2010}{2011}$

c. $\frac{199}{198}$ và $\frac{200}{199}$

d. $\frac{3}{8}$ và $\frac{4}{6}$

Giải:

a. Ta có $\frac{12}{29} < \frac{12}{27}$ và $\frac{12}{27} < \frac{14}{27}$ nên $\frac{12}{29} < \frac{14}{27}$ (So sánh bắc cầu)

b. $1 - \frac{2009}{2010} = \frac{1}{2010} > 1 - \frac{2010}{2011} = \frac{1}{2011}$ nên $\frac{2009}{2010} < \frac{2010}{2011}$ (So sánh phần bù với 1 của mỗi phân số.)

c. $\frac{199}{198} - 1 = \frac{1}{198} > \frac{200}{199} - 1 = \frac{1}{199}$ nên $\frac{199}{198} > \frac{200}{199}$ (So sánh hai phần hơn 1 của mỗi PS.)

d. $\frac{3}{8} < (\frac{4}{8} = \frac{1}{2})$ và $\frac{4}{6} > (\frac{3}{6} = \frac{1}{2})$ nên $\frac{3}{8} < \frac{4}{6}$ (So sánh với $\frac{1}{2}$)

Dạng 2: Các bài toán về thực hành bốn phép tính trên phân số:**a. Kiến thức cần ghi nhớ.****a.1. Phép cộng:**

- Cộng hai phân số cùng mẫu số: Ta cộng tử số với nhau và giữ nguyên mẫu số. $\frac{a}{b} + \frac{c}{b} = \frac{a+c}{b}$

- Cộng hai phân số khác mẫu số: Trước hết ta quy đồng mẫu số rồi cộng tử số với nhau và giữ nguyên mẫu số. $\frac{a}{b} + \frac{c}{d} = \frac{a \times d + c \times b}{b \times d}$

a.2. Phép trừ: Tương tự như phép cộng.**a.3. Phép nhân:**

- Nhân phân số: Ta lấy tử số nhân tử số, mẫu số nhân mẫu số. $\frac{a}{b} \times \frac{c}{d} = \frac{a \times c}{b \times d}$

a.4. Phép chia:

Chia hai phân số: Ta lấy phân số thứ nhất nhân với phân số thứ hai đảo ngược.

$$\frac{a}{b} : \frac{c}{d} = \frac{a}{b} \times \frac{d}{c} = \frac{a \times d}{b \times c}$$

a.5. Tính chất của các phép tính trên phân số:

* Tính chất giao hoán: $\frac{a}{b} + \frac{c}{d} = \frac{c}{d} + \frac{a}{b} = \frac{a \times d + c \times b}{b \times d}$ và $\frac{a}{b} \times \frac{c}{d} = \frac{c}{d} \times \frac{a}{b} = \frac{a \times c}{b \times d}$

* Tính chất kết hợp:

$$\left(\frac{a}{b} + \frac{c}{d}\right) + \frac{m}{n} = \frac{a}{b} + \left(\frac{c}{d} + \frac{m}{n}\right) = \frac{a}{b} + \frac{c}{d} + \frac{m}{n} \text{ và } \left(\frac{a}{b} \times \frac{c}{d}\right) \times \frac{m}{n} = \frac{a}{b} \times \left(\frac{c}{d} \times \frac{m}{n}\right) = \frac{a}{b} \times \frac{c}{d} \times \frac{m}{n}$$

* Tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng.

$$\left(\frac{a}{b} + \frac{c}{d}\right) \times \frac{m}{n} = \frac{a}{b} \times \frac{m}{n} + \frac{c}{d} \times \frac{m}{n} ; \frac{a}{b} \times \left(\frac{c}{d} + \frac{m}{n}\right) = \frac{a}{b} \times \frac{c}{d} + \frac{a}{b} \times \frac{m}{n}$$

b) Bài tập: Tính giá trị của các biểu thức sau bằng cách thuận tiện nhất:

a. $\frac{1313}{2121} \times \frac{165165}{143143} \times \frac{424242}{151515}$

b. **(Học sinh tập đầu)** $\left(\frac{121}{122} \times \frac{123}{125} + \frac{127}{129}\right) \times \left(\frac{1995}{1996} \times \frac{17}{16} - \frac{21}{25} : \frac{16}{17}\right) \times \left(\frac{42}{30} \times \frac{75}{23} - \frac{19}{23} \times \frac{210}{38}\right)$

Giải: a. Ta có:

$$\begin{aligned} \frac{1313}{2121} \times \frac{165165}{143143} \times \frac{424242}{151515} &= \frac{13 \times 101}{21 \times 101} \times \frac{165 \times 1001}{143 \times 1001} \times \frac{42 \times 10101}{15 \times 10101} \\ &= \frac{13}{21} \times \frac{165}{143} \times \frac{42}{15} = \frac{13}{21} \times \frac{15 \times 11}{13 \times 11} \times \frac{21 \times 2}{15} = 2 \end{aligned}$$

b. Ta có: $\frac{42}{30} \times \frac{75}{23} - \frac{19}{23} \times \frac{210}{38} = \frac{6 \times 7}{5 \times 6} \times \frac{5 \times 15}{23} - \frac{19}{23} \times \frac{2 \times 105}{2 \times 19} = \frac{105}{23} - \frac{105}{23} = 0$

Vậy: $\left(\frac{121}{122} \times \frac{123}{125} + \frac{127}{129}\right) \times \left(\frac{1995}{1996} \times \frac{17}{16} - \frac{21}{25} : \frac{16}{17}\right) \times \left(\frac{42}{30} \times \frac{75}{23} - \frac{19}{23} \times \frac{210}{38}\right) = 0$

Dạng 3: Toán trắc nghiệm khách quan về phân số:

Bài 1: Điền phân số thích hợp vào chỗ chấm:

a. $\frac{5}{7} + \frac{1}{3} = \dots + \frac{5}{7}$ (Sử dụng tính chất giao hoán).

b. $\frac{5}{3} \times \dots = \frac{2}{3} \times \frac{5}{3}$ (Sử dụng tính chất giao hoán).

c. $\frac{3}{4} \times \frac{2}{5} + \frac{3}{4} \times \frac{3}{7} = \frac{3}{4} \times \left(\dots + \frac{3}{7}\right)$ (Sử dụng tính chất phân phối của phép nhân đối

với phép cộng)

d. $\frac{3}{4} \times \left(\frac{2}{5} + \frac{3}{7}\right) = \frac{3}{4} \times \frac{2}{5} + \frac{3}{4} \times \dots$ (Sử dụng tính chất phân phối của phép nhân đối

với phép cộng).

Bài 2: (Dành cho học sinh tập đầu) Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

a. $\frac{23}{31} < \frac{2323}{3131} < \frac{232323}{313131}$ ☐ b. $\frac{23}{31} = \frac{2323}{3131} = \frac{232323}{313131}$ ☐

Như vậy, trong cùng một bài tập, cùng một yêu cầu nhưng tùy thuộc vào số liệu mỗi phần cho trong đề bài mà học sinh có thể chọn cách giải khác nhau trong mỗi phần bài tập để được kết quả đúng và nhanh nhất.

2.4. Giải pháp 4: Khuyến khích học sinh giải bài toán bằng nhiều cách khác nhau.

Đối với một bài toán, nếu học sinh biết vận dụng và giải được bằng nhiều cách khác nhau tức học sinh đã nắm vững các kiến thức liên quan đến nội dung bài toán đó.

Hầu hết các dạng toán đều có thể giải bằng nhiều cách khác nhau. Nhưng để vận dụng hiệu quả tôi thường hướng dẫn học sinh vận dụng giải ở các dạng bài sau:

Dạng 1: Các bài toán về *Tìm số trung bình cộng của nhiều số; Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số.*

a. Những kiến thức cần lưu ý:

a.1. Tìm số trung bình cộng của nhiều số.

+ Công thức tìm số trung bình cộng của nhiều số là: $t = (a + a + \dots + a) : n$

Trong đó a là các số hạng, n là số các số hạng và t là trung bình cộng của n số hạng.

+ Bất kì hai số chẵn liên tiếp nào đều có số trung bình cộng là số lẻ ở giữa.

a.2. Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số.

Số bé = (Tổng – hiệu) : 2; Số lớn = (Tổng + hiệu) : 2

b. Vận dụng làm bài tập:

Bài 1: (Giải bằng 2 cách) Để lát nền một phòng học hình chữ nhật, người ta dùng loại gạch hình vuông cạnh 20cm. Hỏi cần bao nhiêu viên gạch để lát kín nền phòng học đó, biết nền phòng học có chiều rộng 5m, chiều dài 8m, phần mạch vữa không đáng kể?

Giải

Cách 1: Diện tích của một viên gạch là: $20 \times 20 = 400 \text{ (cm}^2\text{)}$

Diện tích của lớp học là: $5 \times 8 = 40 \text{ (m}^2\text{)} = 400000 \text{ (cm}^2\text{)}$

Số viên gạch cần để lát nền lớp học là: $400000 : 400 = 1000 \text{ (viên gạch)}$

Đáp số: 1000 viên gạch

Cách 2: Đổi: $20\text{cm} = 2 \text{ dm}$; $5\text{m} = 50 \text{ dm}$; $8\text{m} = 80 \text{ dm}$.

Cạnh chiều dài phòng học lát hết số viên gạch là: $80 : 2 = 40 \text{ (viên gạch)}$

Cạnh chiều rộng phòng học lát hết số viên gạch là: $50 : 2 = 25 \text{ (viên gạch)}$

Số viên gạch cần để lát nền lớp học là: $40 \times 25 = 1000 \text{ (viên gạch)}$

Đáp số: 1000 viên gạch.

Bài 2: (Giải bằng 2 cách) Tìm hai số chẵn liên tiếp có tổng bằng 4010.

Giải:

Cách 1: Sử dụng kiến thức về *Tìm số trung bình cộng.*

Số số trung bình cộng của hai số là: $4010 : 2 = 2005$

Ta thấy, bất kì hai số chẵn liên tiếp nào đều có số trung bình cộng là số lẻ ở giữa.

Do đó, số chẵn nhỏ hơn là: $2005 - 1 = 2004$

Số chẵn lớn hơn là: $2005 + 1 = 2006$

Đáp số: 2004; 2006.

Cách 2: Sử dụng kiến thức về Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số.

Gọi hai số chẵn liên tiếp là số thứ nhất và số thứ hai. Ta có:

Số thứ nhất + Số thứ hai = 4010; Số thứ hai - Số thứ nhất = 2

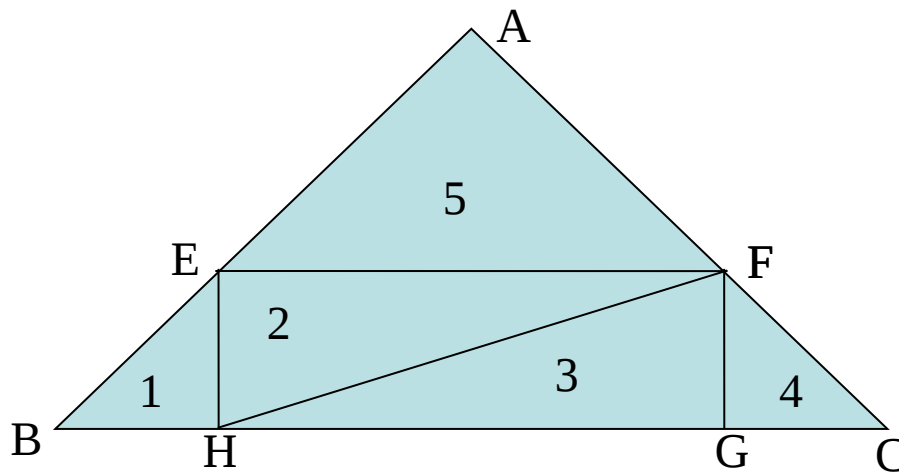
Số chẵn nhỏ hơn là: $(4010 - 2) : 2 = 2004$

Số chẵn lớn hơn là: $2004 + 2 = 2006$

Đáp số: 2004; 2006.

Dạng 2: Bài toán về nhận dạng các hình hình học.

Bài 1 (Thực hiện bằng 2 cách) Trong hình vẽ sau có mấy hình tứ giác?



Cách 1: Dùng phương pháp tỉ lệ.

- Có 3 tứ giác chung cạnh EB là EBHF, EBGF, EBCF.
- Có 3 tứ giác chung cạnh EH là: EHG, EHCF, EHCA.
- Có 2 tứ giác chung cạnh AB là: ABHF, ABGF.
- Có 1 tứ giác chung cạnh AE là: AEHF.

(Các tứ giác đếm rồi ta không đếm lại nữa).

Vậy số tứ giác trên hình vẽ là: $3 + 3 + 2 + 1 = 9$ (hình tứ giác).

Cách 2: Đếm các hình tứ giác có 1 số, 2 số, 3 số, 4 số, 5 số.

Cụ thể là:

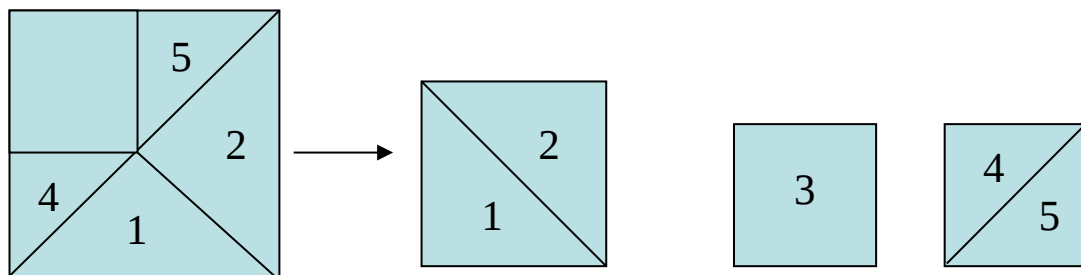
- Không có tứ giác nào kí hiệu bằng 1 số.
- Có 3 tứ giác kí hiệu bằng 2 số: $1 + 2$; $2 + 3$; $2 + 5$.
- Có 3 tứ giác kí hiệu bằng 3 số: $1 + 2 + 5$; $1 + 2 + 3$; $2 + 3 + 4$.
- Có 3 tứ giác kí hiệu bằng 4 số: $1 + 2 + 3 + 4$; $1 + 2 + 3 + 5$; $2 + 3 + 4 + 5$.

Vậy có tất cả: $3 + 3 + 3 = 9$ (hình tứ giác)

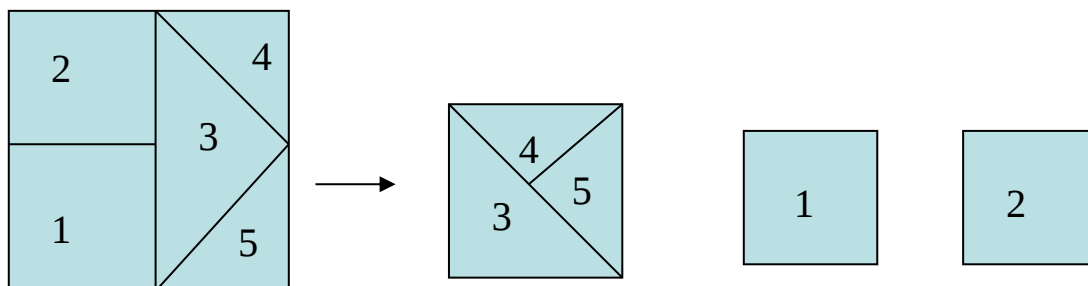
Bài 2: (Thực hiện bằng 2 cách) Bằng 4 lần cắt hãy chia một mảnh bìa hình vuông thành các mảnh nhỏ để ghép lại ta được 3 hình vuông trong đó có 2 hình vuông có diện tích bằng nhau.

Giải

Cách 1:



Cách 2:



Ta thấy, khi học sinh đã tìm thêm được những cách giải khác cho một bài toán tức các em đã khẳng định chắc chắn hơn về tính chính xác của bài giải. Qua đó giúp học sinh tìm ra được các cách giải hay và ngắn gọn cho bài toán. Đồng thời rèn luyện cho học sinh tính kiên trì, sáng tạo trong học tập và có thể vận dụng vào việc xử lý các tình huống xảy ra trong cuộc sống một cách tối ưu nhất.

2.5. Giải pháp 5: Hướng dẫn học sinh tự lập bài toán và giải các bài toán.

Dạng 1: Lập bài toán dựa vào tóm tắt cho trước.

a. Những kiến thức cần lưu ý:

Khi lập đề toán, nội dung cần phải phù hợp với thực tế, gần gũi cuộc sống hằng ngày. Ngôn ngữ đơn giản, dễ hiểu, phù hợp tóm tắt cho trước.

b. Lập đề toán:

Bài tập: Lập đề toán theo tóm tắt sau rồi giải bài toán đó.

Chu vi: 530m

Chiều rộng: kém chiều dài 47m

Diện tích: ...m²?

Bài toán: Một khu đất hình chữ nhật có chu vi 530m, chiều rộng kém chiều dài 47m. Tính diện tích khu đất đó.

Giải:

Nửa chu vi của khu đất là: $530 : 2 = 265$ (m)

Chiều rộng của khu đất là: $(265 - 47) : 2 = 109$ (m)

Chiều dài của khu đất là: $109 + 47 = 156$ (m)

Diện tích của khu đất là: $109 \times 156 = 17004 \text{ (m}^2\text{)}$.

Đáp số: 17004 m^2

Dạng 2: Đặt bài toán mới tương tự bài toán đã giải.

Ví dụ: Bài toán đã có: “Ba thùng mật ong đựng 27 lít mật. Hỏi 5 thùng như thế đựng được bao nhiêu lít mật ong?”

Bài toán mới: “Ba người thợ cùng may một loại túi, một ngày may được 27 chiếc túi. Hỏi 5 người thợ tốc độ may như thế một ngày được bao nhiêu chiếc túi?”

* Tóm lại, dựa vào tóm tắt cho trước hoặc sau khi giải xong mỗi bài toán, học sinh có thể dựa vào tóm tắt hoặc bài toán đó để nghĩ ra các bài toán mới tương tự với bài toán vừa giải. Biết lập đề toán theo kiểu này là một biện pháp rất tốt để nắm vững cách giải các bài toán cùng loại, giúp học sinh nắm vững hơn mối quan hệ giữa các đại lượng và mối quan hệ bản chất trong mỗi loại toán. Nhờ thế mà học sinh hiểu bài sâu, nhớ kiến thức lâu hơn.

3. Kết quả sau khi áp dụng giải pháp sáng kiến tại nhà trường

Qua thực nghiệm sử dụng các giải pháp giảng dạy trên trong năm học cho thấy kết quả học tập môn Toán của học sinh được nâng lên rõ rệt. Việc áp dụng đưa các dạng toán trên vào giảng cho học sinh lớp 4A của trường cho kết quả khả quan hơn nhiều so với kết quả của học sinh các lớp 4B, 4C, 4D. Cụ thể:

- Kết quả kiểm tra khảo sát môn Toán giữa kì II năm học 2023– 2024:

Loại Lớp	Tổng số Học sinh	Điểm 9- 10		Điểm 7- 8		Điểm 5- 6		Điểm dưới 5	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
4A	42	15	35,7	17	40,5	10	23,8		
4B	43	13	30,2	16	37,2	12	27,9	2	4,7
4C	41	10	24,4	9	21,9	20	48,8	2	4,9
4D	50	15	30,0	12	24,0	21	42,0	2	4,0

Từ kết quả trên của học sinh lớp 4A cho ta thấy học sinh đạt điểm 9, 10 môn Toán tăng nhiều so với kiểm tra đầu năm. Lớp chỉ còn 10 học sinh đạt điểm trung bình, không còn học sinh yếu môn Toán. Khi học sinh đã học tốt môn Toán và biết tư duy logic thì các con cũng biết vận dụng học tốt các môn học khác.

Trong năm học vừa qua, bản thân tôi đã dành khá nhiều thời gian cùng các em học sinh trong lớp 4A trải nghiệm những giải pháp mà tôi đã đưa ra trong sáng kiến giúp các em giải các bài toán nâng cao một cách vững vàng, mặt khác giúp các em có phương pháp suy luận thông qua cách trình bày, lời giải đúng, ngắn gọn, sáng tạo trong cách giải bài toán. Nhờ giáo viên hướng dẫn, giảng giải, khi giải được một bài toán khó, tôi nhìn thấy niềm vui trên khuôn mặt của các em. Đó chính là hứng thú để các em say mê giải Toán, tìm tòi thêm kiến thức về Toán học trên các kênh như: đọc sách, các ứng dụng Toán học trên internet...

Ảnh học sinh lớp 4A say mê giải toán, học toán trên ứng dụng mạng internet



Trong cuộc thi Đấu trường toán học VioEdu năm 2023 - 2024 lớp 4A có 2 học sinh/3 học sinh cả khối được chọn tham dự vòng thi cấp Huyện. Kết quả 2 em đạt giải Nhì cấp Huyện. Đó là em **Chu Minh Dũng** và **Phùng Thị Kim Giang**. Điều đó càng khẳng định chắc chắn rằng các giải pháp nêu trên đưa vào áp dụng có hiệu quả cao.

UBND HUYỆN BA VÌ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 605/QĐ-GDDT Ba Vì, ngày 19 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận học sinh đạt giải tại vòng Chung kết cấp huyện
"Đấu trường VioEdu" dành cho học sinh cấp Tiểu học và THCS
Năm học 2023-2024

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN BA VÌ

Căn cứ Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 20/11/2023 của UBND huyện về việc Quy định chức năng nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 22/VBHN-BGDĐT ngày 25/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thi học sinh giỏi Quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 476/KH-PGDĐT ngày 01/4/2024 của Phòng GDĐT về việc Tổ chức vòng Chung kết cấp huyện "Đấu trường VioEdu" dành cho học sinh cấp Tiểu học và THCS, năm học 2023-2024;

Căn cứ kết quả vòng Chung kết cấp huyện "Đấu trường VioEdu" dành cho học sinh cấp Tiểu học và THCS, năm học 2023-2024;

Theo đề nghị của Tổ giáo vụ Tiểu học và Tổ giáo vụ THCS thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp giấy chứng nhận cho 694 học sinh đạt giải tại vòng Chung kết cấp huyện "Đấu trường VioEdu" dành cho học sinh cấp Tiểu học và THCS, năm học 2023-2024, trong đó: 35 giải Nhất; 173 giải Nhì; 206 giải Ba; 280 giải Khuyến khích, cụ thể:

1. **Môn Toán** - cấp THCS gồm: 06 giải Nhất; 29 giải Nhì; 34 giải Ba và 46 giải Khuyến khích

2. **Môn Toán** - cấp Tiểu học gồm: 15 giải Nhất; 74 giải Nhì; 87 giải Ba và 121 giải Khuyến khích.

3. **Môn Tiếng Việt** - cấp Tiểu học gồm: 14 giải Nhất; 70 giải Nhì; 85 giải Ba và 113 giải Khuyến khích.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Lãnh đạo, chuyên viên tổ Tiểu học, tổ THCS thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng các trường Tiểu học, THCS, PTCS có liên quan và học sinh có tên tại Điều 1 có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Lưu VT.

TRƯỞNG PHÒNG

Phùng Ngọc Oanh

9 trên 19

49	Nguyễn Khắc Hoàng Nam	3C	Tiền Phong	Khuyến khích
50	Trần Minh Đạt	3A5	Văn Bái	Khuyến khích
51	Dương Gia Bảo	3A5	Văn Thắng	Khuyến khích
52	Đinh Công Hùng	3A2	Văn Hoà	Khuyến khích
53	Đặng Anh Thư	3B	Đồng Quang	Khuyến khích
54	Trần Hương Ly	3A2	Cổ Đô	Khuyến khích
55	Lê Đức Hòa	3C	Phong Vân	Khuyến khích
56	Kiều Duy Bảo	3C	Phú Châu	Khuyến khích
57	Nguyễn Đăng Châu Anh	3A7	Tân Lĩnh	Khuyến khích
58	Trần Bảo Ngọc	3A2	Thụy An	Khuyến khích
59	Nguyễn Thị Bảo Chi	3C	TTNC Bô và Đồng Cỏ	Khuyến khích
60	Phạm Thành Công	3A1	Phú Đồng	Khuyến khích
61	Nguyễn Bảo Vy	3A7	Tân Lĩnh	Khuyến khích
Khối 4				
1	Đinh Thị Thủy Dung	4A	Thuần Mỹ	Nhì
2	Đào Duyệt Hoàng	4D	Sơn Đà	Nhì
3	Chu Phùng Kim Ngân	4B	Vật Lại	Nhì
4	Trần Đình Gia Phong	4A5	Tây Đằng B	Nhì
5	Chu Minh Dũng	4A	Thái Hoà	Nhì
6	Phùng Gia Huy	4A	Vật Lại	Nhì
7	Nguyễn Bá An Bình	4A6	Tây Đằng B	Nhì
8	Phùng Kim Giang	4A	Thái Hoà	Nhì
9	Lê Bảo An	4D	Vật Lại	Nhì
10	Nguyễn Trọng Đăng Khương	4A2	Tây Đằng A	Nhì
11	Ngô An Phú	4A6	Tây Đằng B	Nhì
12	Nguyễn Đình Khoa	4A5	Thụy An	Nhì
13	Ngô Thị Bảo Trân	4B	Phong Vân	Nhì
14	Nguyễn Hải Bình	4B	Vật Lại	Nhì
15	Đinh Hoàng Ngọc Liên	4A2	Ba Trại A	Nhì
16	Nguyễn Khánh Hòa	4A2	Tây Đằng A	Nhì
17	Nguyễn Kim Chi	4A5	Tông Bạt	Nhì
18	Hoàng Tú	4C	Phong Vân	Nhì
19	Chu Khánh Ngọc	4A2	Tông Bạt	Nhì
20	Trần Phương Chi	4A9	Văn Thắng	Ba
21	Phùng Thị Thu Thủy	4C	Đồng Thái	Ba
22	Nguyễn Phúc Hưng	4A1	Ba Trại A	Ba

Năm học 2023 – 2024 lần đầu tiên VioEdu tổ chức cuộc thi cấp thành phố Hà Nội, lớp 4A có 2 học sinh tham gia thi và kết quả 01 học sinh đạt **Top 10 học sinh có thành tích xuất sắc nhất thành phố Hà Nội**. Đó là em **Chu Minh Dũng**.

CHUNG KẾT ĐẤU TRƯỜNG VIOEDU THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TOP 10 HỌC SINH
CÓ THÀNH TÍCH XUẤT SẮC NHẤT KHỐI 04

2

NGUYỄN BÁ AN BÌNH

tdb-2038
Trường Tiểu Học Tây Đằng B
Huyện Ba Vì

1

NGHIÊM HOÀI AN

hs16-0074
Trường Tiểu Học Hoa Sơn
Huyện Ứng Hòa

3

NGUYỄN TIẾN MINH

II35-0298
Trường Tiểu Học Trần Phú
Thị xã Sơn Tây

THỨ HẠNG	HỌ VÀ TÊN	TK VIOEDU	TRƯỜNG	HUYỆN
4	Chu Minh Dũng	chudung2014	Trường Tiểu Học Thái Hoà	Huyện Ba Vì
5	Đinh Thị Thủy Dung	tm-0899	Trường Tiểu Học Thuần Mỹ	Huyện Ba Vì
6	Lê Đình Dũng	km3-0326	Trường Tiểu Học Khương Mai	Quận Thanh Xuân
7	Nguyễn Trung Kiên	cd29-0285	Trường Tiểu Học Cổ Đông	Thị xã Sơn Tây
8	Lê Minh Triết	by-2644	Trường Tiểu Học Bình Yên	Huyện Thạch Thất
9	Lê Nhật Minh	nh9-0197	Trường Tiểu Học Ngọc Hồi	Huyện Thanh Trì
10	Đỗ Minh Tú	20-0511	Liên cấp TH&THCS Ngôi Sao Hà Nội	Quận Thanh Xuân

Như vậy, mỗi giáo viên chúng ta nếu có phương pháp dạy học phù hợp với khả năng nhận thức của học sinh. Biết khích lệ học sinh tìm hiểu dần từ dễ đến khó, học sinh sẽ tự tin hơn và yêu thích học Toán hơn. Nếu mỗi giáo viên tận tâm với công việc thì tôi tin rằng chất lượng học tập của học sinh ngày một nâng cao, nhất là chất lượng đầu giỏi.

4. Hiệu quả của sáng kiến

4.1. Hiệu quả về khoa học

Học sinh được tìm hiểu sâu hơn về kiến thức và kỹ năng làm các bài toán nâng cao trong chương trình lớp 4. Phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập của học sinh. Phát triển được tư duy Toán học cho học sinh từ đó giúp các em yêu thích môn Toán.

4.2. Hiệu quả về kinh tế

Mặc dù hiệu quả kinh tế trực tiếp của sáng kiến rất khó đánh giá định lượng cụ thể, tuy nhiên có thể chỉ ra một số lợi ích kinh tế trực tiếp như sau:

- Giúp cho gia đình học sinh giảm thiểu chi phí mua nhiều loại sách tham khảo và thời gian tự học nhưng chưa đạt kết quả cao.
- Giảm thiểu thời gian trên lớp của giáo viên và học sinh. Bên cạnh đó, là những hiệu quả gián tiếp lâu dài về mặt kinh tế như nâng cao hiệu suất công việc

của giáo viên, giúp học sinh có hứng thú hơn với môn học và nghiên cứu khoa học...

- Sáng kiến có thể áp dụng trong nhà trường năm học này và những năm học tiếp theo mà không tốn kém tiền bạc.

4.3. Hiệu quả về xã hội

Trực tiếp nâng cao chất lượng bồi dưỡng đội tuyển học sinh năng khiếu về Toán học, sân chơi VioEdu Toán. Giúp học sinh tiếp cận các kiến thức mới mẻ, thời sự, có phương pháp học tập đúng đắn. Các nghiên cứu khoa học hiện đại được đưa vào nhằm đem đến cái nhìn tổng quan cho học sinh về môn học nói riêng và quá trình nghiên cứu khoa học nói chung. Giúp giáo viên bổ sung và nâng cao kiến thức chuyên môn cũng như hiệu quả giảng dạy.

4.4. Tính khả thi của sáng kiến

Kích thích được phong trào thi đua học tập của trường, lớp. Giáo viên hăng say xây dựng bài giảng, tìm tòi các hình thức dạy học mới cho lớp học sôi nổi, học sinh hứng thú, tiếp thu kiến thức nhanh chóng.

Sáng kiến này có thể áp dụng cho một số trường có điều kiện cơ sở vật chất tương tự hoặc ở mức thấp hơn.

4.5. Thời gian thực hiện sáng kiến:

Thực hiện trong năm học 2023- 2024 tại Trường Tiểu học Thái Hòa.

4.6. Kinh phí thực hiện sáng kiến:

Chi phí thực hiện không đáng kể.

5. Bài học kinh nghiệm khi thực hiện sáng kiến

Trong quá trình dạy học đặc biệt là trong quá trình dạy toán ở bậc Tiểu học **“Bồi dưỡng, khích lệ học sinh yêu thích học toán nâng cao lớp 4”** là vấn đề hết sức cần thiết. Bởi vậy người giáo viên cần phải suy nghĩ, tìm tòi, khám phá ra những biện pháp hay nhất, phù hợp nhất với đối tượng học sinh lớp mình giảng dạy; nghiên cứu, học hỏi kinh nghiệm của bạn bè đồng nghiệp để có nhiều dạng toán hay, toán mới giảng dạy cho học sinh góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giờ dạy toán. Để tạo hứng thú say mê học tập cho học sinh, trong giảng dạy giáo viên cần chú ý chuẩn bị kỹ bài, khai thác sâu kiến thức bài. Khi giảng sử dụng linh hoạt, hợp lý các phương pháp dạy học, tăng cường kiểm tra đánh giá kết quả, quan tâm bồi dưỡng năng khiếu học toán cho học sinh để lớp có nhiều học sinh giỏi môn Toán.

Mặt khác để gây hứng thú say mê học tập cho các em học sinh, giờ dạy cần tạo không khí học tập thoải mái, mối quan hệ thầy trò diễn ra một cách tự nhiên, không gò bó gượng ép. Chương trình Toán lớp 4 không quá khó song các em tiếp thu bài rất thụ động vì vậy giáo viên cần chú ý gây hứng thú học tập cho các em, chú ý khai thác sâu kiến thức ở mỗi bài học, giúp cho các em nắm chắc kiến thức cơ bản rồi đến nâng cao để có thể học tốt môn Toán ở các lớp tiếp sau.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT.

Sáng kiến được thực hiện trên cơ sở tổng hợp kinh nghiệm cá nhân trong quá trình nhiều năm giảng dạy và được áp dụng trực tiếp cho các em học sinh lớp 4 mà tôi đang giảng dạy. Đề sáng kiến mang lại hiệu quả và đi vào thực tiễn giảng dạy, tôi xin mạnh dạn đề xuất một số nội dung sau:

*** Đối với giáo viên:**

- Mỗi giáo viên, cần dành nhiều thời gian hơn vào việc nghiên cứu, vận dụng các phương pháp rèn kỹ năng, bồi dưỡng môn Toán cho học sinh sao cho tốt hơn, hiệu quả hơn.

- Thường xuyên quan tâm, thương yêu, ân cần dạy bảo và có biện pháp giáo dục phù hợp với các em.

- Luôn có ý thức học hỏi và trau dồi kiến thức để đáp ứng với yêu cầu ngày một đổi mới của xã hội.

*** Đối với nhà trường:**

- Tổ chức, tạo điều kiện cho giáo viên tham gia học hỏi, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy trong và ngoài trường theo tinh thần đổi mới phương pháp dạy học.

- Nhà trường, tổ khối cần tổ chức nhiều hơn nữa các tiết chuyên đề bồi dưỡng môn Toán để nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên.

- Trang bị đầy đủ sách nâng cao và các tài liệu tham khảo.

*** Đối với cơ quan quản lý chuyên môn các cấp:**

- Tiếp tục tổ chức sân chơi Đấu trường Vioedu các cấp và công nhận thành tích của học sinh cả cấp thành phố nhằm tạo điều kiện cho học sinh thử sức. Qua đó đánh giá chất lượng giáo dục của các nhà trường và của các giáo viên trực tiếp tham gia bồi dưỡng học sinh.

Đề tài của tôi đề cập đến một số giải pháp bồi dưỡng, khích lệ học sinh yêu thích học toán nâng cao lớp 4 mà bản thân đã thực hiện trong năm học 2023–2024. Đây là kinh nghiệm của riêng bản thân tôi nên không tránh khỏi những hạn chế nhất định. Tôi rất mong nhận được sự góp ý của các bạn đồng nghiệp, của hội đồng khoa học để đề tài của tôi ngày một hoàn thiện hơn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Tôi xin cam đoan đề tài trên là của tôi, do tôi nghiên cứu và thực hiện viết, không sao chép của người khác. Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Thái Hòa, ngày 09 tháng 05 năm 2024

Người viết sáng kiến

Hà Thị Mai Anh
